**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI LẠI NĂM HỌC 2020-2021**

**MÔN: ĐỊA LÍ 11**

**Câu 1: Trình bày vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Nhật Bản. Dân cư và xã hội Nhật Bản có đặc điểm gì?**

* Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

+ Quần đảo Nhật Bản nằm ở Đông Á, trãi dài theo hình hình vòng cung khoảng 3800km trên Thái Bình Dương

+ Gồm 4 đảo lớn: Hô-cai-đô, Hôn-su, Kiu-xiu, Xi-cô-cư và hàng nghìn đảo nhỏ

* Dân cư và xã hội

+ Là nước đông dân, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp 0,1% năm 2005 và đang giảm dần

+ Tỉ lệ người già ngày càng cao, đầu tư lớn cho giáo dục

+ Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển

+ Người lao động Nhật Bản cần cù, làm việc tích cực, với ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao.

**Câu 2: Trình bày tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.**

* Sau chiến tranh thế giới thứ 2, bị suy sụp nghiêm trọng
* Giai đoạn 1955-1973: Khôi phục ngang mức trước chiến tranh và phát triển với tốc độ cao
* Nguyên nhân

+ Chú trọng đầu tư, hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, gắn liền với áp dụng kỹ thuật mới

+ Tập trung cao độ vào phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn

+ Duy trì cơ cấu kinh tế 2 tầng: vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công.

* Giai đoạn 1973-2005

+ Suy giảm do khủng hoảng dầu mỏ (còn 2,6% năm 1980) và sau đó phục hồi, tốc độ tăng trưởng trung bình 5,3%

+ Từ năm 90, tốc độ tăng trưởng chậm lại.

* Năn 2005 Nhật Bản đứng thứ 2 thế giới về kinh tế và tài chính, sau Hoa Kì.

**Câu 3: Nêu những nét chính về nền nông nghiệp ở Nhật Bản.**

* Có vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản, chiếm 1% trong GDP
* Diện tích đất nông nghiệp ít khoảng 14% diện tích lãnh thổ
* Nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để tăng năng suất và chất lượng nông sản
* Trồng trọt:

+ Lúa gạo là cây chính, chiếm 50% diện tích canh tác nhưng đang giảm dần do chuyển đổi cơ cấu cây trồng

+ Chè, thuốc lá, dâu tằm: được trồng phổ biến.

* Chăn nuôi: tương đối phát triển với các vật nuôi: bò, lợn gà … nuôi trong các trang trại theo phương pháp tiên tiến
* Thủy sản:

+ Sản lượng đánh bắt hàng năm lớn gồm các loài: cá thu, cá ngừ, tôm, cua, …

+ Nghề nuôi trồng hải sản được chú trọng phát triển như tôm, sò, rau câu, ốc, trai lấy ngọc …

**Câu 4. Chứng minh rằng Nhật Bản có ngành công nghiệp phát triển cao.**

* Giá trị sản lượng công nghiệp đứng hàng thứ 2 thế giới sau Hoa Kỳ
* Chiếm vị trí cao trên thế giới về sản xuất máy công nghiệp, thiết bị điện tử, người máy, tàu biển, thép, ô tô, sản phẩm tơ tằm, …..
* Cơ cấu ngành đa dạng
* Công nghiệp chế tạo (chiếm 40% giá trị hàng xuất khẩu) gồm

+ Tàu biển: chiếm 41% sản lượng xuất khẩu thế giới

+ Ô tô: sản xuất 25% sản lượng thế giới và xuất khẩu 45% số xe làm ra

+ Xe gắn máy: sản xuất 60% sản lượng thế giới và xuất khẩu 50% số xe làm ra

* Sản xuất điện tử (được xem là ngành mũi nhọn)

+ Sản phẩm tin học: chiếm 22% thế giới

+ Vi mạch và chất bán dẫn: đứng đầu thế giới

+ Vật liệu truyền thông: hàng đầu thế giới

+ Rôbôt: chiếm 60% thế giới

* Xây dựng và công trình công cộng: chiếm 20%giá trị thu nhập công nghiệp
* Dệt (sợi, vải các loại): bắt dầu từ thế kỉ 19, vẫn được duy trì và phát triển
* Các trung tâm công nghiệp phân bố tập trung chủ yếu ở đảo Hôn su: Tô-ki-ô, I-ô-cô-ha-ma, Na-gôi-a, Ca-oa-xa-ki, Cô-bê …

**Câu 5: Trình bày đặc điểm dân cư xã hội Trung Quốc.**

* **Dân cư**
* Đông đân, chiếm 1/5 dân số thế giới
* Với hơn 50 dân tộc, đông nhất là người Hán, chiếm 90% dân số cả nước, ngoài ra còn có người Choang, Tạng, Hồi …
* Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm, còn 0,6% năm 2005 do tiến hành chính sách dân số triệt để => tư tưởng trọng nam khinh nữ đã tác động tiêu cực đến cơ cấu giới tính và ảnh hưởng đến nguồn lao động và 1 số vấn xã hội khác
* Tỉ lệ dân thành thị 37% năm 2005
* Dân cư tập trung chủ yếu ở miền đông, nơi có các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh ……..
* **Xã hội**
* Đầu tư lớn cho giáo dục, tỉ lệ người biết chữ cao
* Có nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng: Vạn Lí Trường Thành, Tử ấm Thành …
* Thời cổ trung đại có 4 phát minh nổi tiếng: la bàn, làm giấy, kỹ thuật in, thuốc súng
* Người lao động dồi dào, cần cù, sáng tạo => là tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế xã hội

**Câu 6: Nêu đặc điểm ngành công nghiệp của Trung Quốc.**

* Chuyển đổi từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường
* Thực hiện chính sách mở, tăng cường quan hệ mua bán với thị trường thế giới
* Thành lập các khu công nghiệp và khu chế xuất nhằm thu hút vốn
* Chủ động đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị và ứng dụng công nghệ cao
* Từ năm 1994, tập trung vào 5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng
* Phát triển các ngành công nghệ cao như điện tử, cơ khí chính xác, máy sản xuất tự động và chế tạo tàu vũ trụ (tàu Thuần Châu V)
* Các trung tâm công nghiệp tập trung ở miền đông, đặc biệt ở các vùng duyên hải, tại các thành phố lớn: Bắc Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh, Vũ Hán …
* Ngoài ra, còn phát triển các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, dệt may, sứ, mặt hàng tiêu dùng ở nông thôn đã thu hút hơn 100 triệu lao động và cung cấp 20% giá trị hàng hóa ở nông thôn

**Câu 7: So sánh điều kiện tự nhiên miền Đông và miền Tây Trung Quốc.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều kiện** **tự nhiên** | **Miền đông** | **Miền tây** |
| **Phạm vi** | Từ vùng duyên hải vào đất liền đến kinh tuyến 1050Đ | Từ kinh tuyến 1050Đ trở về phía tây |
| **Địa hình** | Gồm các đồng bằng châu thổ phù sa màu mỡ như Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam | Gồm các dãy núi cao hiểm trở, sơ nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa, hoang mạc  |
| **Khí hậu** | Phía bắc: ôn đới gió mùaPhía nam: cận nhiệt gió mùa | Ôn đới lục địa khắc nghiệt |
| **Sông ngòi** | Là hạ lưu của các con sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang | Là nơi bắt nguồn của những con sông lớn chảy về miền đông |
| **Khoáng sản** | Kim loại màu | Dầu mỏ, than, sắt, đồng … |

**Câu 8. Nêu đặc điểm ngành công nghiệp của Trung Quốc.**

* Diện tích đất canh tác chỉ chiếm 7% thế giới nhưng phải nuôi 20% dân số thế giới.
* Áp dụng nhiều biện pháp, chính sách cải cách nông nghiệp như:

+ Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.

**+** Cải tạo xây dựng hạ tầng cơ sở: đường giao thông, thủy lợi …

**+** Đưa kĩ thuật mới, giống mới vào sản xuất.

**+** Miễn thuế nông nghiệp, chính sách khuyến nông…

**-**  Một số nông sản đứng đầu thế giới: lương thực, bông, thịt lợn

**-** Ngành trồng trọt chiếm ưu thế hơn so với ngành chăn nuôi nhưng bình quân lương thực/ người thấp.

**-** Phân bố:

 **+** Đồng bằng Hoa Bắc, Đông Bắc: lúa mì, ngô, củ cải đường.

 **+** Đồng bằng Hoa Trung, Hoa Nam: lúa gạo, mía, chè, bông

**Câu 9: Kể tên các quốc gia thuộc Đông Nam Á. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.**

* **11 quốc gia ở Đông Nam Á:** Viêt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Mi-an-ma, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Đông-ti-mo, Ma-lay-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây
* **Đánh giá điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á**
* **Thuận lợi**

+ Khí hậu nóng ẩm, đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc thuận lợi cho việc phát triển 1 nền nông nghiệp nhiệt đới

+ Có lợi thế về biển (trừ Lào) thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển cũng như thương mại, hàng hải

+ Nằm trong vành đai sinh khoáng của thế giới nên có nhiều loại khoáng sản, đặc biệt là dầu khí ở thềm lụa địa => là nguyên, nhiên liệu cho phát triển kinh tế.

+ Diện tích rừng xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm lớn => thuận lợi phát triển lâm nghiệp

* **Khó khăn**

**+** Diện tích rừng bị thu hẹp do khai thác không hợp lí và do cháy rừng

**+** Do nằm kề sát vành đai lửa Thái Bình Dương, lại là nơi hoạt động của các áp thấp nhiệt đới nên có nhiều thiên tai như động đất, núi lửa, sóng thần, bão, lũ lụt …

**Câu 10: Trình bày đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm tự nhiên** | **Đông Nam Á lục địa** | **Đông Nam Á biển đảo** |
| **Địa hình** | - địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi cao chạy theo hướng tây bắc đông nam hoặc bắc nam, có nơi núi lấn sát ra biển, giữa các dãy núi là các thung lũng rộng- ven biển là các đồng bằng phù sa màu mỡ do sông Mê Kông bồi đắp | - Là khu vực tập trung nhiều đảo lớn nhất thế giới, bao gồm nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ- địa hình: ít đồng bằng, nhiều núi và núi lửa- các đồng bằng lớn tập trung ở các đảo Ca-li-man-ta, Xu-ma-tra, có phù sa màu mỡ do có thêm các chất khoáng từ dung nham núi lửa được phong hóa |
| **Sông ngòi** | có nhiều con sông lớn như Mê Kông, Mê Nam | Ít sông lớn, sông ngắn và dốc |
| **Khí hậu** | Khí hậu nhiệt đới gió mùa, riêng phía bắc Mi-an-ma và phía bắc Việt Nam có 1 mùa đông lạnh | Khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo |
| **Khoáng sản** | Nhiều than đá, dầu mỏ, sắt, thiếc | Nhiều than đá, dầu mỏ, sắt, thiếc, đồng |

**Câu 11: Trình bày sự phát triển nông nghiệp của khu vực Đông Nam Á.**

* **Trồng lúa nước**

+ Là cây truyền thống và quan trọng của khu vực

+ Sản lượng không ngừng tăng: từ 103 triệu tấn năm 1985 tăng lên 161 triệu tấn năm 2004.

+ Thái Lan và Việt Nam đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

* **Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả**

+ Cao su, cà phê, hồ tiêu trồng nhiều ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam

+ Đông Nam Á còn cung cấp cho thế giới các sản phẩm từ cây lấy dầu, lấy sợi

+ Sản phẩm từ cây công nghiệp được xuất khẩu để thu ngoại tệ

+ Cây ăn quả được trồng ở hầu hết các nước trong khu vực

* **Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản**

+ Số lượng đàn gia súc khá lớn nhưng chăn nuôi vẵn chưa trở thành ngành chính.

+ Trâu, bò, lợn được nuôi nhiều ở Việt Nam, Thái Lam, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin … ngoài ra Đông Nam Á cũng nuôi nhiều gia cầm.

+ Đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản: là ngành truyền thống và đang phát triển do có lợi thế về sông, biển.

+ Năm 2003, sản lượng khai thác đạt 14,5 triệu tấn, 5 nước khai thác nhiểu: In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a

**Câu 12: Dân cư xã hội Đông Nam Á có đặc điểm gì?**

**\*Dân số**

* Dân số đông, mật độ dân số cao
* Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên khá cao, hiện nay đang có chiều hướng giảm
* Dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động cao (trên 50% dân số)
* Nguồn lao động dồi dào, nhưng hạn chế về trình độ chuyên môn và tay nghề
* Dân cư phân bố không đều, tập trung đông ở các đồng bằng châu thổ sông lớn, vùng ven biển và 1 số vùng đất đỏ ba dan
* **\*Xã hội**
* Đa dân tộc, các dân tộc phân bố rộng không theo biên giới quốc gia => gây khó khăn cho quản lí, ổn định chính trị xã hội mỗi nước
* Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, …
* Đa tôn giáo: Phạt giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo …
* Phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa của người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng, là cơ sở thuận lợi để các quốc gia hợp tác cùng phát triển.

**\*\*\*\* Bài tập: xem các dạng biểu đồ cột, biểu đồ tròn và biểu đồ đường**